DANH SÁCH ĐIỂM THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ - ĐỢT 2 NĂM 2021

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	TBC	Bài gốc	Điều kiện	Ghi chú
1	000001	0710211594	Bùi Thị Ngọc	Anh	30/05/2001	KD7B	8.5	5	8	6.5	7	x	Đạt	
2	000002	0710211460	Cao Thị Hải	Anh	26/07/2011	KD7G	8	7	9	8	8	x	Đạt	
3	000003	0610331969	Chử Thị Phương	Anh	03-07-2000	QM6A	8	6	9.5	6.5	7.5		Đạt	
4	000004	0710210012	Đặng Thị Phương	Anh	07/02/2001	KD7D	9	5	9	7.5	7.5		Đạt	
5	000005	0510310301	Đinh Công Ngọc	Anh	10-02-1999	QT5C	v	4	v	6	0		Không đạt	
6	000006	0710331559	Định Thị Quỳnh	Anh	19/02/2001	QM7A	8	5.5	8	6	7	x	Đạt	
7	000007	0710310766	Đỗ Phương	Anh	06/12/2001	QT7A	8.5	7	10	8	8.5	x	Đạt	
8	000008	0610210030	Đỗ Thị Ngọc	Anh	30-11-2000	KD6G	8.5	4	8.5	6	7		Đạt	
9	000009	0710210016	Đỗ Tú	Anh	16/09/2001	KD7E	9.5	6	9	7	8	x	Đạt	
10	000010	0710211524	Dương Thị	Anh	30/10/2001	KD7G	8.5	7	9	7	8	x	Đạt	
11	000011	0710210018	Lê Tuấn	Anh	01/05/2001	KD7B	9.5	6	9	6	7.5		Đạt	
12	000012	0710331029	Nguyễn Diệp	Anh	27/10/2001	QM7A	9	8	9	7	8.5	x	Đạt	
13	000013	0610210916	Nguyễn Diệu	Anh	18-09-2000	KD6G	8.5	5	7.5	6.5	7	x	Đạt	
14	000014	0610120881	Nguyễn Đình Nhật	Anh	05-02-2000	NH6A	8.5	5	8.5	5.5	7		Đạt	
15	000015	0610210035	Nguyễn Hải	Anh	03-01-2000	KD6H	8.5	5	8	6	7	x	Đạt	
16	000016	0710610019	Nguyễn Hoàng	Anh	13/06/2001	KA7A	8.5	6	8	5.5	7	x	Đạt	
17	000017	0710120682	Nguyễn Hoàng	Anh	29/09/2001	NH7A	9	4.5	4	6.5	6		Đạt	
18	000018	0710210767	Nguyễn Mai	Anh	09/01/2001	KD7G	9	7	8	7.5	8	x	Đạt	
20	000020	0710120298	Nguyễn Tâm	Anh	04/04/2001	NH7A	9	5.5	8.5	7	7.5		Đạt	
21	000021	0710210021	Nguyễn Thảo	Anh	21/09/2001	KD7D	8.5	5.5	7.5	7.5	7.5	x	Đạt	
22	000022	0710211613	Nguyễn Thị Huyền	Anh	12/02/2001	KD7G	8.5	6.5	9	7.5	8	x	Đạt	
23	000023	0610311309	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	26-08-2000	QT6A	v	5.5	7	6	0		Không đạt	
24	000024	0710210022	Nguyễn Thị Phương	Anh	27/12/2001	KD7B	8	9	9	8	8.5	x	Đạt	
25	000025	0710211457	Phạm Thế	Anh	20/07/2001	KD7D	9	4.5	10	6	7.5	x	Đạt	

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	TBC	Bài gốc	Điều kiện	Ghi chú
26	000026	0710311037	Phạm Tuấn	Anh	20/01/2001	QT7A	9	6.5	8.5	6.5	7.5	x	Đạt	
27	000027	0710111398	Tạ Lan	Anh	01/10/2001	TC7A	8.5	6	7	6	7	x	Đạt	
28	000028	0710810024	Trịnh Thị Vân	Anh	30/05/2001	TM7A	8.5	6	8	7	7.5	x	Đạt	
29	000029	0710330968	Vũ Lan	Anh	20/10/2000	QM7A	8.5	5.5	9.5	7	7.5	x	Đạt	
30	000030	0610311318	Vũ Thị Kiều	Anh	26-09-2000	QT6A	8	5	6	5.5	6		Đạt	
31	000031	0710211513	Vũ Thị Quỳnh	Anh	01/11/2001	KD7G	9	6	9.5	5.5	7.5	x	Đạt	
32	000032	0610111729	Kiều Ngọc	Ánh	16-12-2000	TC6A	8.5	5	7.5	7.5	7	x	Đạt	
33	000033	0710310671	Nguyễn Ngọc	Ánh	22/04/2001	QT7B	8.5	5.5	9	6	7.5	x	Đạt	
34	000034	0710210622	Phạm Thị	Ánh	15/10/2001	KD7E	8.5	5	7	7	7	x	Đạt	
35	000035	0710210640	Phùng Thị Hồng	Ánh	09/11/2001	KD7E	10	6.5	10	8	8.5	x	Đạt	
36	000036	0710120686	Vũ Thị Hồng	Ánh	15/05/2001	NH7A	8.5	4.5	6.5	5	6	x	Đạt	
37	000037	0610210006	Hoàng Nhật	Bắc	04-08-1996	KD6A	9	4.5	9.5	5.5	7	x	Đạt	
38	000038	0710311046	Nguyễn Xuân	Bắc	15/02/2001	QT7A	8.5	4.5	8	6	7		Đạt	
39	000039	0710210025	Vũ PhúcNgọc	Bảo	16/02/2001	KD7G	9	6	8	7.5	7.5	x	Đạt	
40	000040	0710210775	Diêm Thị	Bích	11/02/2001	KD7B	9.5	6	9.5	8	8.5		Đạt	
41	000041	0830210001	Trần Thị	Bích	30/08/1988	LT8A	8.5	7	9.5	5	7.5	x	Đạt	
42	000042	0610210016	Hoàng Nguyễn	Bính	22-02-1996	KD6A	8	6.5	9.5	4.5	7	x	Đạt	
43	000043	0510111194	Bế Hữu	Bình	06-09-1998	TC5A	0	4.5	9	2.5	4	x	Không đạt	
44	000044	0710210027	Lê Phạm An	Bình	18/01/2001	KD7C	9	4	8.5	7	7	x	Đạt	
45	000045	0710311048	Lê Thanh	Bình	02/01/2001	QT7B	8.5	4.5	9.5	8	7.5	x	Đạt	
46	000046	0610310487	Nguyễn Văn	Bình	14-11-2000	QT6C	8.5	4.5	9.5	5	7	x	Đạt	
48	000048	0710210028	Trần Thị	Châm	20/05/2000	KD7D	8.5	5	9.5	6.5	7.5	x	Đạt	
49	000049	0710311053	An Thị Linh	Chi	13/05/2000	QT7A	9	5	8.5	5.5	7	x	Đạt	
50	000050	0830210002	Lê Linh	Chi	13/07/1990	LT8A	9	6	10	5	7.5	x	Đạt	
51	000051	0710121581	Nguyễn Kim	Chi	18/04/2001	NH7A	7.5	5	8.5	8	7.5	x	Đạt	
52	000052	0510210060	Nguyễn Tiến	Chinh	31-01-1998	KD5A	9	5	8.5	6.5	7.5	x	Đạt	d2/2020

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	TBC	Bài gốc	Điều kiện	Ghi chú
53	000053	0710310203	Vũ Đức	Chính	22/11/2001	QT7B	8	5	8.5	5.5	7	x	Đạt	
54	000054	0830210017	Nguyễn Văn	Chúc	22/02/1984	LT8A	6.5	6.5	8.5	5	6.5	x	Đạt	
55	000055	0710310740	Đỗ Lê	Chung	11/11/2001	QT7A	6.5	6.5	9.5	5	7	x	Đạt	
56	000056	0710210031	Vương Thành	Công	16/04/2001	KD7G	8	6.5	6.5	7	7	x	Đạt	
57	000057	0710210780	Vũ Thị	Cúc	15/03/2001	KD7B	9	7	8.5	5.5	7.5	x	Đạt	
58	000058	0710311400	Đặng Thành	Cương	07-11-1999	QT7A	9	6.5	9.5	6	8	x	Đạt	
59	000059	0710120488	Tô Văn	Cường	20/01/2001	NH7A	8.5	4.5	9.5	6	7	x	Đạt	
60	000060	0710210782	Nguyễn Anh	Đào	11/11/2001	KD7D	8.5	6	9.5	7	8	x	Đạt	
61	000061	0710210621	Nguyễn Thị	Đào	23/03/2001	KD7E	9	5.5	8.5	5.5	7	x	Đạt	
62	000062	0710120303	Ngô Tiến	Đạt	28/10/2001	NH7A	9	5	9.5	6	7.5	x	Đạt	
63	000063	0610211826	Đinh Văn	Điệp	12-06-2000	KD6K	7	7	4	3	5.5	x	Đạt	
64	000064	0610210089	Nguyễn Thành	Đô	10-07-2000	KD6D	7	6	8	6.5	7	x	Đạt	
65	000065	0510310016	Đỗ Văn	Đoan	01-10-1998	QT5B	v	7	v	v	0	x	Không đạt	
66	000066	0610210955	Đặng Hồng	Diễm	12-12-2000	KD6G	8.5	5.5	9.5	6	7.5	x	Đạt	
67	000067	0710311071	Vũ Thị Kiều	Diễm	10/09/2001	QT7B	8.5	6	8.5	7.5	7.5	x	Đạt	
68	000068	0710210205	Nông Bích	Diệp	23/10/2001	KD7G	8.5	7	8.5	6	7.5	x	Đạt	
69	000069	0830210018	Trần Thị Ngọc	Diệp	07/06/1991	LT8A	9	6.5	9	5	7.5	x	Đạt	
70	000070	0710211588	Trần Thị Ngọc	Diệp	21/09/2001	KD7B	8.5	6.5	8.5	9	8	x	Đạt	
71	000071	0610120766	Đỗ Huy	Du	13-01-2000	NH6A	7.5	7	10	7	8	x	Đạt	
72	000072	0710211619	Hoàng Thị Thảo	Dung	04/10/2001	KD7E	9.5	6	7.5	6	7.5	x	Đạt	
73	000073	0710210785	Trần Thùy	Dung	04/10/2001	KD7G	9	7	9	5	7.5	x	Đạt	
74	000074	0710210040	Trịnh Thị	Dung	17/06/1996	KD7B	9	6.5	9	6	7.5	x	Đạt	
75	000075	0710110305	Lại Văn	Dũng	27/03/2001	TC7A	10	5	8	4.5	7	x	Đạt	
76	000076	0710120678	Nguyễn Tuấn	Dũng	30/06/2001	NH7A	8	7.5	9.5	8.5	8.5	x	Đạt	
77	000077	0710110207	Vũ Trí	Dũng	27/12/2000	TC7A	9	6	7	5	7	x	Đạt	
78	000078	0710120306	Bùi Duy	Dương	23/10/2001	NH7A	8	6	6.5	4.5	6.5	x	Đạt	

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	TBC	Bài gốc	Điều kiện	Ghi chú
79	000079	0710210624	Đinh Hà	Dương	23/05/2001	KD7D	8	7	8.5	5.5	7.5	x	Đạt	
80	000080	0610120768	Đỗ Đức	Dương	22-10-2000	NH6A	7	6	6	5.5	6	x	Đạt	
81	000081	0710310492	Hà Quỳnh	Dương	13/07/2001	QT7A	9	6	10	4.5	7.5	x	Đạt	
82	000082	0710210645	Hà Thị Thùy	Dương	19/01/2001	KD7B	8.5	7	9.5	6.5	8	x	Đạt	
83	000083	0610122011	Nguyễn Chí	Dương	09-02-2000	NH6A	7.5	8	8	6.5	7.5		Đạt	
84	000084	0710210043	Nguyễn Thùy	Dương	14/05/2001	KD7G	9	7	8.5	6.5	8	x	Đạt	
85	000085	0710210044	Trần Thùy	Dương	23/11/2001	KD7B	8.5	6	8	5	7		Đạt	
86	000086	0710110660	Trương Thùy	Dương	28/09/2001	TC7A	9	6	9.5	5	7.5	x	Đạt	
87	000087	0610110771	Đỗ Đức	Duy	15-05-2000	TC6A	9	8	9	6	8	x	Đạt	
88	000088	0710210046	Lê Thị Mỹ	Duyên	16/12/2001	KD7D	8.5	6	8.5	5	7	x	Đạt	
89	000089	0710121408	Trần Thị	Duyên	22/03/2001	NH7A	8.5	7	7.5	8.5	8	x	Đạt	
90	000090	0830210036	Trịnh Thị	Duyên	22-07-1978	LT8A	7.5	7	7	6.5	7	x	Đạt	
91	000091	0610120772	Cao Nam	Giang	17-11-2000	NH6A	9	8	9.5	5.5	8	x	Đạt	
92	000092	0610310516	Nguyễn Hà	Giang	05-09-2000	QT6A	7.5	7	7.5	3	6.5		Đạt	
93	000093	0710210646	Nguyễn Ninh	Giang	11/01/2001	KD7B	9	8	7.5	6	7.5	x	Đạt	
94	000094	0610230111	Nguyễn Thị Hà	Giang	17-12-2000	KT6A	8	7	8.5	7	7.5	x	Đạt	
95	000095	0610211853	Vy Thị Lệ	Giang	07-01-2000	KD6D	8.5	7	9	7	8	x	Đạt	
96	000096	0710210639	Đào Ngọc	Hà	22/09/2000	KD7D	8.5	5	9	5.5	7	x	Đạt	
97	000097	0710210049	Đào Phương	Hà	23/02/1999	KD7E	9.5	7.5	8	6	8	x	Đạt	
98	000098	0710211514	Đỗ Thị Thu	Hà	06/09/2001	KD7G	9	7	9.5	7.5	8.5	x	Đạt	
99	000099	0710210706	Đỗ Thu	Hà	19/06/2001	KD7B	9.5	5.5	9.5	7	8	x	Đạt	
100	000100	0830210035	Hà Thị	Hà	16-06-1988	LT8A	8.5	6	9	6	7.5	x	Đạt	
101	000101	0830210004	Hoàng Thị	Hà	18/12/1991	LT8A	9	5	6	7	7	x	Đạt	
102	000102	0710210051	Lê Thị	Hà	24/04/2001	KD7D	9.5	5	9	6	7.5	x	Đạt	
103	000103	0610311375	Lê Thị	Hà	14-10-2000	QT6C	9	8	9.5	7	8.5	x	Đạt	
104	000104	0710211455	Ngô Thu	Hà	09/12/2001	KD7E	9.5	9	8.5	6.5	8.5	x	Đạt	

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	TBC	Bài gốc	Điều kiện	Ghi chú
105	000105	0610210972	Nguyễn Hồng	Hà	18-05-2000	KD6C	8.5	5	7.5	6.5	7	x	Đạt	
107	000107	0710110679	Nguyễn Thu	Hà	16/07/1997	TC7A	9	8	9.5	6	8	x	Đạt	
108	000108	0710120053	Phạm Ngọc	Hà	18/04/2001	NH7A	9.5	6	9.5	7	8	x	Đạt	
109	000109	0710111582	Phạm Thu	Hà	06/07/2001	TC7A	10	9	9.5	6	8.5	x	Đạt	
110	000110	0710210649	Tô Thị Ngọc	Hà	25/07/2001	KD7B	10	5	9	6	7.5	x	Đạt	
111	000111	0710210054	Nguyễn Thị Nhật	Hạ	16/06/2001	KD7D	8.5	6	8	7.5	7.5	x	Đạt	
112	000112	0710210797	Trần Thị	Hạ	09/11/2001	KD7E	9.5	7	9.5	7.5	8.5	x	Đạt	
113	000113	0610120775	Mai Văn	Hai	09-09-1995	TC6A	8.5	4	9	5	6.5	x	Đạt	
114	000114	0830210025	Nguyễn Thị Thúy	Hài	21/07/1987	LT8A	9.5	7	9.5	6	8	x	Đạt	
115	000115	0710110290	Nguyễn Xuân	Hải	25/01/2001	TC7A	8.5	6	8.5	6.5	7.5	x	Đạt	
116	000116	0710210798	Đỗ Thị	Hân	09/10/2001	KD7B	9	5	9	6.5	7.5	x	Đạt	
117	000117	0710210642	Đinh Thị	Hằng	21/10/2001	KD7D	10	8.5	9	6.5	8.5	x	Đạt	
118	000118	0710210615	Đỗ Thị Bích	Hằng	23/10/2001	KD7E	8.5	4.5	5	3	5.5	x	Đạt	
119	000119	0610211856	Đỗ Thúy	Hằng	04-10-2000	KD6B	8	7.5	7.5	7.5	7.5	x	Đạt	
120	000120	0830210005	Hồ Thị	Hằng	03/04/1993	LT8A	6.5	6.5	7.5	6.5	7	x	Đạt	
121	000121	0610210124	Lê Thị Thu	Hằng	02-12-2000	KD6E	8	7	6	6.5	7	x	Đạt	
122	000122	0710120670	Ma Thị Lệ	Hằng	03/09/2001	NH7A	9	8	9.5	8	8.5	x	Đạt	
123	000123	0710211592	Nguyễn Minh	Hằng	28/09/2001	KD7G	9	5	9	6.5	7.5		Đạt	
124	000124	0710211589	Nguyễn Thị Thu	Hằng	25/06/2001	KD7B	7.5	7.5	9	7.5	8	x	Đạt	
125	000125	0710210802	Nguyễn Thúy	Hằng	12/02/2001	KD7D	8.5	8	9	7.5	8.5	x	Đạt	
126	000126	0510310781	Phạm Thị	Hằng	10-06-1999	QT5A	8.5	6.5	8.5	6.5	7.5	x	Đạt	
127	000127	0710110653	Phạm Thu	Hằng	08/07/2001	TC7A	9	7	9	7	8	x	Đạt	
129	000129	0830210041	Phạm Thị	Hạnh	22-12-1991	LT8A	10	8	10	7.5	9	x	Đạt	
131	000131	0710210700	Ngô Thị	Hậu	30/04/2001	KD7B	9	7	9.5	6.5	8	x	Đạt	
132	000132	0830210037	Trần Thị Thu	Hậu	01-11-1987	LT8A	8	7.5	7	6	7	x	Đạt	
133	000133	0710210806	Lại Thị	Hiền	21/07/2001	KD7G	8.5	6.5	8.5	4.5	7	x	Đạt	

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	TBC	Bài gốc	Điều kiện	Ghi chú
134	000134	0710210807	Nguyễn Thị Thu	Hiền	27/11/2001	KD7B	8.5	7	8.5	6	7.5	x	Đạt	
135	000135	0710121414	Phạm Thị Thảo	Hiền	26/01/2001	NH7A	8.5	7.5	8.5	6	7.5	x	Đạt	
136	000136	0610320545	Nguyễn Hữu Hoàng	Hiệp	18-10-2000	QD6A	8.5	8	9	6.5	8	x	Đạt	
137	000137	0710120309	Bùi Minh	Hiếu	09/12/2001	NH7A	9	7	8	6	7.5		Đạt	
138	000138	0710210811	Lê Minh	Hiếu	29/04/2001	KD7E	9	8	8.5	6	8	x	Đạt	
139	000139	0710210812	Vũ Trọng	Hiếu	12/11/2001	KD7G	9	6.5	10	6.5	8	x	Đạt	
140	000140	0610610397	Lê Minh	Hiệu	28-12-2000	KA6A	8.5	7.5	8	6	7.5	x	Đạt	
141	000141	0610120778	Lê Thanh	Hoa	28-12-2000	NH6A	5.5	6	8.5	6	6.5	x	Đạt	
142	000142	0830210030	Phạm Thị	Hoa	16/07/1982	LT8A	8.5	8	9.5	7	8.5	x	Đạt	
143	000143	0830210006	Đinh Thị Thu	Hòa	15/05/1975	LT8A	10	7	10	7	8.5	x	Đạt	
144	000144	0710210636	Trần Thị	Hòa	02/04/2000	KD7B	9	6	7.5	5	7	x	Đạt	
145	000145	0710210712	Nguyễn Thị	Hoài	21/09/2001	KD7C	8.5	6	9	6	7.5	x	Đạt	
146	000146	0710310218	Cao Huy	Hoàng	21/10/2001	QT7B	7.5	6	8.5	5	7	x	Đạt	
147	000147	0710310219	Đào Huy	Hoàng	22/01/2001	QT7A	8.5	5	8	3	6	x	Đạt	
148	000148	0610311418	Hà Thanh	Hoàng	07-11-2000	QT6A	9.5	7	10	6	8	x	Đạt	
149	000149	0710310220	Nguyễn Huy	Hoàng	21/10/2001	QT7B	8	6	8.5	5	7	x	Đạt	
150	000150	0710310221	Phạm Huy	Hoàng	14/04/2000	QT7A	8.5	6	7.5	3.5	6.5	x	Đạt	
151	000151	0610610153	Trần Quốc	Hoàng	19-02-2000	KA6A	8	7	9	6	7.5	x	Đạt	
152	000152	0830210016	Vương Thị	Hồi	10/08/1989	LT8A	8.5	7	9	6.5	8	x	Đạt	
153	000153	0710311135	Nguyễn Ninh	Hồng	22/12/2001	QT7B	8.5	8	9.5	7	8.5	x	Đạt	
154	000154	0610310852	Đinh Thị	Huê	07-11-2000	QT6A	8.5	7	9.5	7	8	x	Đạt	
155	000155	0710210817	Khúc Thị	Huế	09/05/2001	KD7D	9	7	8	7	8	x	Đạt	
156	000156	0710110666	Nguyễn Minh	Huế	09/12/2001	TC7A	8.5	7.5	8.5	7.5	8	x	Đạt	
157	000157	0710210818	Nguyễn Thị	Huế	13/01/2001	KD7B	8.5	8	9.5	7.5	8.5	x	Đạt	
158	000158	0710810459	Dương Thanh	Huệ	18/09/2001	TM7A	8.5	6.5	8.25	4	7	x	Đạt	
159	000159	0710210820	Lưu Thị	Huệ	08/01/2001	KD7E	9.5	6.5	10	7.5	8.5	x	Đạt	

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	TBC	Bài gốc	Điều kiện	Ghi chú
160	000160	0710210372	Nguyễn Thị Thu	Huệ	09/01/2001	KD7G	8.5	6.5	9	6.5	7.5	x	Đạt	
161	000161	0610211952	Quách Thị	Huệ	15-02-1999	KD6K	8.5	4.5	9	6.5	7	x	Đạt	
162	000162	0610310565	Hoàng Huy	Hùng	31-10-2000	QT6C	8.5	5	9.5	6	7.5	x	Đạt	
163	000163	0710210065	Lê Nguyễn Phi	Hùng	14/10/2001	KD7B	9	5.5	8	5.5	7	x	Đạt	
164	000164	0710311141	Lê Như	Hùng	19/01/2001	QT7A	8.5	7	8	5	7	x	Đạt	
165	000165	0710210822	Nguyễn Quý	Hùng	04/11/2001	KD7C	9	5	8.5	7.5	7.5	x	Đạt	
166	000166	0610311437	Nguyễn Ngọc Hoàng	Hưng	21-09-2000	QT6B	9	6	9	7	8	x	Đạt	
167	000167	0610211008	Trần Duy	Hưng	29-07-2000	KD6H	3.5	2	3	5.5	3.5	x	Không đạt	
168	000168	0610211860	Bùi Thị Minh	Hương	11-12-2000	KD6H	7	7.5	8	5.5	7	x	Đạt	
169	000169	0710610187	Bùi Thu	Hương	15/04/2001	KA7A	9	5.5	8	4.5	7	x	Đạt	
170	000170	0610210166	Nguyễn Mai	Hương	06-12-2000	KD6K	9	2	7	4.5	5.5	x	Đạt	
171	000171	0710210069	Nguyễn Thu	Hương	03/11/2001	KD7G	9	6	8.5	7	7.5	x	Đạt	
172	000172	0710211631	Phí Lan	Hương	16/05/2001	KD7B	8.5	5.5	9	7.5	7.5	x	Đạt	
173	000173	0710311145	Trần Thị	Hương	02/10/2001	QT7A	9	8	9	6.5	8	x	Đạt	
174	000174	0830210007	Bùi Thị Thu	Hường	07/11/1992	LT8A	8.5	7	9	6.5	8	x	Đạt	
175	000175	0830210024	Nguyễn Thị	Hường	19/09/1981	LT8A	8.5	6	9	6.5	7.5	x	Đạt	
176	000176	0610210004	Nguyễn Thị Thu	Hường	09-08-1996	KD6A	8	9	9.5	6.5	8.5	x	Đạt	
177	000177	0710210824	Trần Thúy	Hường	05/10/2001	KD7B	9	6.5	9.5	7	8	x	Đạt	
178	000178	0710211512	Dương Xuân	Huy	03/11/2001	KD7D	9	7	8.5	7	8	x	Đạt	
179	000179	0710210825	Nguyễn Quang	Huy	23/06/2001	KD7E	9	7	9.5	5.5	8	x	Đạt	
180	000180	0710111416	Nguyễn Quang	Huy	09/07/2001	TC7A	9	9	9.5	7	8.5	x	Đạt	
181	000181	0710210826	Chu Thị Khánh	Huyền	29/04/2001	KD7G	8.5	6	9	6	7.5	x	Đạt	
182	000182	0410210236	Đinh Thị Ngọc	Huyền	10-12-1998	KD4A	7.5	4.5	9.5	6	7	x	Đạt	
183	000183	0710210072	Đỗ Thanh	Huyền	11/01/2001	KD7G	9	7	9	6	8	x	Đạt	
184	000184	0710211595	Đoàn Thị Thanh	Huyền	12/09/2001	KD7C	8.5	6.5	10	6.5	8	x	Đạt	
185	000185	0710210073	Nguyễn Khánh	Huyền	20/02/2001	KD7D	9	6.5	8	7	7.5	x	Đạt	

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	TBC	Bài gốc	Điều kiện	Ghi chú
186	000186	0830210020	Nguyễn Thị	Huyền	02/08/1992	LT8A	8.5	7	9.5	7	8	x	Đạt	
187	000187	0610330541	Nguyễn Thị Thu	Huyền	28-12-2000	QM6A	8.5	5.5	8	7.5	7.5	x	Đạt	
188	000188	0710211623	Phạm Ngọc	Huyền	23/07/2000	KD7E	9	6	9.5	6.5	8	x	Đạt	
189	000189	0710211472	Phạm Thị Thanh	Huyền	26/03/2001	KD7G	8.5	5	8.5	7	7.5	x	Đạt	
190	000190	0710311164	Phạm Thu	Huyền	10/05/2001	QT7B	8	4	9	6.5	7	x	Đạt	
191	000191	0710310228	Trần Thị Thanh	Huyền	05/10/2001	QT7A	9	7	9.5	6.5	8	x	Đạt	
192	000192	0830210008	Trần Thị Vân	Khánh	18/05/1977	LT8A	9	7	9.5	6.5	8	x	Đạt	
193	000193	0710210380	Trịnh Quốc	Khánh	30/01/2001	KD7D	8.5	6	7.5	6.5	7	x	Đạt	
194	000194	0710211508	Trịnh Thị Thu	Khuyên	31/12/2001	KD7E	8.5	5.5	8.5	6.5	7.5	x	Đạt	
195	000195	0710110661	Tạ Đức	Kiên	14/11/2001	TC7A	9	3	9.5	5.5	7	x	Đạt	
196	000196	0710210829	Đỗ Thị Thuý	Kiều	17/01/2001	KD7G	9	7	9.5	6.5	8	x	Đạt	
197	000197	0710110662	Ninh Tiến	Kỳ	27/08/2001	TC7A	8	3	9	5.5	6.5	x	Đạt	
198	000198	0610121918	Bùi Thanh	Lâm	02-09-2000	NH6A	8	6	8	4.5	6.5	x	Đạt	
199	000199	0610330587	Đặng Ngọc	Lâm	13-07-2000	QM6A	8	3	5	4.5	5	x	Đạt	
200	000200	0610120787	Lê Ngọc	Lâm	05-10-2000	NH6A	8.5	7	10	7	8	x	Đạt	
201	000201	0610711254	Nguyễn Hoàng	Lâm	01-09-2000	QL6A	8	2	9	5.5	6	x	Đạt	
202	000202	0610121944	Nguyễn Tùng	Lâm	23-04-2000	NH6A	7.5	4.5	6	6	6	x	Đạt	
203	000203	0710210074	Đỗ Thị	Lan	05/10/2001	KD7B	9	6	9.5	6.5	8	x	Đạt	
204	000204	0510211181	Trịnh Thị	Lành	29-05-1999	KD6K	7	8	8	7	7.5	x	Đạt	
205	000205	0710210833	Đỗ Bùi Nhật	Lệ	14/02/2001	KD7G	9	9	10	8	9	x	Đạt	
206	000206	0610112005	Phan Xuân	Lệ	10-02-2000	TC7A	8.5	4	10	6.5	7.5	x	Đạt	
207	000207	0710121419	Lê Thị Bích	Liên	21/02/2001	NH7A	8.5	4	8	6.5	7	x	Đạt	
208	000208	0710311183	Lưu Ngọc	Liên	22/01/2001	QT7B	8.5	6.5	9	6.5	7.5	x	Đạt	
209	000209	0710310677	Nguyễn Thị Bích	Liên	15/05/2001	QT7A	8.5	5	9	6	7	x	Đạt	
210	000210	0710310668	Đinh Thị Diệu	Linh	23/08/2001	QT7B	8.5	5	9.5	6	7.5	x	Đạt	
211	000211	0710210076	Đinh Thị Khánh	Linh	06/01/2001	KD7E	9.5	5	10	6.5	8	x	Đạt	

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	TBC	Bài gốc	Điều kiện	Ghi chú
212	000212	0710210837	Lê Vũ Thùy	Linh	25/08/2001	KD7B	10	10	9	8.5	9.5	x	Đạt	
213	000213	0710211517	Nguyễn Đan	Linh	26/01/2001	KD7D	8.5	8.5	9.5	8	8.5	x	Đạt	
214	000214	0710110234	Nguyễn Diệp	Linh	22/11/2001	TC7A	8.5	4	8	6	6.5	x	Đạt	
215	000215	0610330595	Nguyễn Thị Khánh	Linh	01-01-2000	QM6A	8.5	3	9	7	7	x	Đạt	
216	000216	0710210085	Nguyễn Thùy	Linh	05/11/2000	KD7E	9	8	10	6.5	8.5	x	Đạt	
217	000217	0610610439	Nguyễn Văn	Linh	20-08-2000	KA6A	8.5	4.5	9.5	6	7	x	Đạt	
218	000218	0710210633	Phạm Hoàng Phương	Linh	20/12/2001	KD7B	10	5	8	6.5	7.5	x	Đạt	
219	000219	0710210384	Phạm Khánh	Linh	20/12/2001	KD7G	9	6	8.5	7	7.5	x	Đạt	
220	000220	0610210018	Phạm Thị Thùy	Linh	13-10-1991	KD6A	2	4	2	4	3	x	Không đạt	
221	000221	0710210087	Phùng Diệu	Linh	17/12/2001	KD7B	8.5	5	9.5	6	7.5	x	Đạt	
222	000222	0510111021	Trần Diệu	Linh	29-04-1999	TC5A	v	5	6	5	0	x	Không đạt	
223	000223	0710211459	Trần Thùy	Linh	11/05/2001	KD7C	9	4.5	7	4.5	6.5		Đạt	
224	000224	0710210842	Trương Thị Yến	Linh	17/10/2001	KD7D	8.5	6	9	5	7	x	Đạt	
225	000225	0710310690	Vũ Thùy	Linh	30/07/2001	QT7A	9	5	8	6.5	7	x	Đạt	
226	000226	0610111919	Vũ Thùy	Linh	02-06-2000	TC6A	8.5	5	10	6.5	7.5	x	Đạt	
227	000227	0830210043	Đinh Thị	Loan	19-10-1991	LT8A	8.5	6	7.5	6.5	7	x	Đạt	
228	000228	0610211058	Bàng Thị	Loan	21-10-2000	KD6H	9	6	8.5	7	7.5	x	Đạt	
229	000229	0710210843	Đồng Thị Hiền	Loan	21/03/2001	KD7G	9	6	9	5.5	7.5	x	Đạt	
230	000230	0710210090	Đồng Tuấn	Long	12/12/2001	KD7B	10	5	5.5	5	6.5	x	Đạt	
231	000231	0610110793	Lê Duy	Long	17-12-2000	TC6A	9	7	7.5	5.5	7.5	x	Đạt	
232	000232	0710311198	Nguyễn Phi	Long	19/11/2001	QT7B	9	6	9.5	5	7.5	x	Đạt	
233	000233	0410210301	Nguyễn Tá Hải	Long	28-03-1997	KD4A	9	7	8.5	5	7.5	x	Đạt	
235	000235	0710211458	Nguyễn Thị	Lương	19/12/2001	KD7C	8.5	6.5	7.5	5	7	x	Đạt	
236	000236	0710120313	Nguyễn Văn	Lưu	01/09/1999	NH7A	4.5	7.5	6	7	6.5	x	Đạt	
237	000237	0710610936	Lê Thị	Luyến	11/02/2001	KA7A	9	8.5	9.5	7	8.5	x	Đạt	
238	000238	0710330239	Nguyễn Hồng	Luyến	14/05/2001	TC7A	8	7.5	9.5	7	8	x	Đạt	

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	TBC	Bài gốc	Điều kiện	Ghi chú
239	000239	0710210993	Nguyễn Thị Hương	Ly	09/05/2001	KD7G	8.5	6.5	8.5	6	7.5	x	Đạt	
240	000240	0830210029	Trần Đức	Lý	08/02/1988	LT8A	9	7	8	7	8	x	Đạt	
241	000241	0710610749	Đặng Thị	Lý	08/09/2001	KA7A	8.5	5.5	7	4	6.5	x	Đạt	
242	000242	0610210012	Bùi Thị	Mai	24-07-1989	KD6A	8	7	9.5	6.5	8	x	Đạt	
243	000243	0710210392	Phạm Thị Tuyết	Mai	13/04/2001	KD7D	8.5	7	9	5.5	7.5	x	Đạt	
244	000244	0710211518	Phan Thị	Mai	04/08/2001	KD7G	9	6	9	5.5	7.5	x	Đạt	
245	000245	0610320854	Trần Ngọc	Mai	02-07-2000	QD6A	8.5	8	9	7	8	x	Đạt	
246	000246	0710311211	Bùi Quang	Mạnh	20/04/2001	QT7B	7	6.5	8.5	6	7	x	Đạt	
247	000247	0610110794	Hoàng Huy	Mạnh	12-11-1999	TC6A	9	7	9.5	5.5	8	x	Đạt	
248	000248	0830210009	Ngô Đăng Trường	Mạnh	14/01/1988	LT8A	6	8	7.5	5	6.5	x	Đạt	
249	000249	0610211865	Nguyễn Thị	Mây	16-02-2000	KD6H	8.5	5.5	9.5	7.5	8	x	Đạt	
250	000250	0610311971	Vũ Thị	Mến	09-07-2000	QT6A	8	5.5	7.5	6.5	7	x	Đạt	
251	000251	0730310089	Nguyễn Hữu	Minh	22/02/1974	LT7C	v	6	v	v	0	x	Không đạt	
252	000252	0610311524	Nguyễn Thị	Minh	17-11-2000	QT6B	8.5	7	8	8	8	x	Đạt	
253	000253	0830210039	Nguyễn Thị	Mơ	03-05-1985	LT8A	8	6.5	10	7	8	x	Đạt	
254	000254	0710110314	Dương Hà	My	15/09/2001	TC7A	8.5	7	9.5	6.5	8	x	Đạt	
255	000255	0710110762	Nguyễn Trà	My	30/08/2001	TC7A	8	5.5	9.5	7	7.5	x	Đạt	
256	000256	0710210644	Nguyễn Trà	My	02/08/2001	KD7B	9.5	4.5	8	5	7	x	Đạt	
257	000257	0610121776	Đào Việt	Nam	30-11-2000	NH6A	8.5	5	7	4	6	x	Đạt	
258	000258	0830210023	Đỗ Ngọc	Nam	25/09/1990	LT8A	8	6.5	10	4	7		Đạt	
259	000259	0830210026	Lê Thành	Nam	10/12/1997	LT8A	8	6.5	7	4.5	6.5	x	Đạt	
260	000260	0710121633	Mai Kỳ	Nam	16/03/2001	NH7A	8.5	6.5	9	5	7.5	x	Đạt	
261	000261	0710210294	Nguyễn Thúy	Nga	16/07/2001	KD7D	8.5	5	8.5	6.5	7	x	Đạt	
262	000262	0610210246	Phạm Thị Nguyệt	Nga	28-08-2000	KD6H	7.5	5.5	5.5	7	6.5	x	Đạt	
263	000263	0830210010	Trần Thị	Nga	24/10/1989	LT8A	9	5.5	10	6.5	8	x	Đạt	
264	000264	0830210011	Bùi Thị	Ngân	14/09/1988	LT8A	6	6.5	10	7	7.5	x	Đạt	

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	TBC	Bài gốc	Điều kiện	Ghi chú
265	000265	0710210099	Ngô Mỹ	Ngân	22/12/2001	KD7E	9	7	10	6	8	x	Đạt	
266	000266	0710210628	Phạm Thanh	Ngân	14/08/2001	KD7G	8.5	7.5	8	7	8	x	Đạt	
267	000267	0710210631	Trịnh Thu	Ngân	20/09/2001	KD7E	8.5	5.5	9	5.5	7	x	Đạt	
268	000268	0610311972	Dương Minh	Ngọc	22-07-2000	QT6A	9	5.5	8.5	5	7	x	Đạt	
269	000269	0710210102	Lê Bảo	Ngọc	09/06/2001	KD7E	9	5	10	8	8	x	Đạt	
270	000270	0710210858	Nguyễn Bích	Ngọc	26/07/2001	KD7G	8.5	6	9	7	7.5	x	Đạt	
271	000271	0710210859	Nguyễn Minh	Ngọc	23/05/2001	KD7B	10	7	9	6	8	x	Đạt	
272	000272	0710210626	Nguyễn Vũ Phương	Nguyên	15/10/2001	KD7D	9	6.5	9	7	8		Đạt	
273	000273	0710210400	Trần Văn	Nguyện	01/11/2001	KD7E	7.5	6	9.5	5.5	7		Đạt	
274	000274	0710210641	Quản Thị Ánh	Nguyệt	28/07/2001	KD7G	8.5	6.5	10	7	8	x	Đạt	
275	000275	0710311252	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	26/03/2001	QT7A	8.5	5.5	6.5	3.5	6		Đạt	
276	000276	0610211992	Vi Lê Thảo	Nhi	03-06-2000	KD6G	8.5	5.5	8.5	6	7	x	Đạt	
277	000277	0830210032	Triệu Thị	Nhinh	24/07/1989	LT8A	8	7	7.5	7	7.5	x	Đạt	
278	000278	0610310650	Đặng Thị	Như	29-09-2000	QT6A	8.5	5	10	6	7.5		Đạt	
279	000279	0610210268	Lê Thị Quỳnh	Như	06-11-2000	KD6H	8.5	4.5	8	4	6.5		Đạt	
280	000280	0710311263	Nguyễn Thị	Như	01/12/2001	QT7B	8.5	7	8	7	7.5	x	Đạt	
281	000281	0710810632	Đào Thị	Nhung	01/05/2001	TM7A	9	7	8	7.5	8		Đạt	
282	000282	0710210864	Đào Thị Hồng	Nhung	18/01/2001	KD7G	9	6	9	7	8	x	Đạt	
283	000283	0710210106	Hoa Ngọc	Nhung	20/04/2001	KD7D	9	6	8.5	5	7	x	Đạt	
284	000284	0710610107	Lê Thị Hồng	Nhung	24/01/2001	KA7A	8.5	7	9.5	5	7.5	x	Đạt	
285	000285	0710311269	Nguyễn Thị	Nhung	28/12/2000	QT7B	8	5.5	9	5	7	x	Đạt	
286	000286	0710210111	Nông Trang	Nhung	28/11/2001	KD7G	9	5.5	9	4	7	x	Đạt	
287	000287	0830210031	Phạm Thị	Nhung	19/07/1987	LT8A	9.5	7	9.5	7	8.5	x	Đạt	
288	000288	0710211614	Trần Thị	Nhung	22/10/2001	KD7E	8.5	5	6	5	6	x	Đạt	
289	000289	0710210114	Bùi Thị	Oanh	10/01/2001	KD7E	8.5	7	9.5	7.5	8	x	Đạt	
290	000290	0830210012	Lê Thị Kim	Oanh	17/02/1993	LT8A	9.5	5.5	9.5	5	7.5	x	Đạt	

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	TBC	Bài gốc	Điều kiện	Ghi chú
291	000291	0610210014	Lưu Quang	Phát	23-03-1997	KD6A	v	5	7	4	0	x	Không đạt	
292	000292	0610210007	Trịnh Phan	Phiên	25-08-1992	KD6A	7.5	6	7.5	5	6.5		Đạt	
293	000293	0710210191	Nguyễn Vũ	Phong	13/06/2001	KD7G	10	8	9	7	8.5	x	Đạt	
294	000294	0610211825	Đoàn Thị Hồng	Phúc	29-12-2000	KD6G	8	5.5	8.5	7	7.5	x	Đạt	
295	000295	0610110803	Nguyễn Hùng	Phúc	14-08-2000	TC6A	8.5	6	5	5	6	x	Đạt	
296	000296	0610310657	Trịnh Văn	Phúc	28-07-2000	QT6A	9.5	6	8.5	6.5	7.5	x	Đạt	
297	000297	0610210877	Lê Thị Bích	Phương	18-01-2000	KD6K	9	6	8.5	5.5	7.5	x	Đạt	
298	000298	0710110246	Nguyễn Quỳnh	Phương	09/06/2001	TC7A	8.5	8	8.5	7	8	x	Đạt	
299	000299	0610211876	Nguyễn Thị Hà	Phương	21-10-2000	KD6C	8.5	6	9.5	8	8	x	Đạt	
300	000300	0610211819	Nguyễn Thu	Phương	02-07-2000	KD6D	6	8	8.5	8	7.5	x	Đạt	
301	000301	0710210617	Trần Thị Hoài	Phương	02/11/2001	KD7C	9	5	8.5	6	7	x	Đạt	
302	000302	0710610172	Uông Việt	Phương	04/03/2001	KA7A	8.5	7	7	5	7	x	Đạt	
303	000303	0710210876	Vũ Hà Thu	Phương	16/11/2001	KD7D	8.5	7.5	8.5	7	8	x	Đạt	
304	000304	0710210638	Ngô Thị	Phượng	22/12/2000	KD7E	9	8	10	8	9	x	Đạt	
305	000305	0710210120	Tạ Minh	Quang	22/12/2001	KD7G	8.5	6	9	6	7.5	x	Đạt	
306	000306	0710310684	Phạm Hữu	Quốc	24/04/2001	QT7A	9	7	9	7	8	x	Đạt	
307	000307	0710210122	Chu Tố	Quyên	13/04/2001	KD7C	8.5	5.5	7.5	7	7	x	Đạt	
308	000308	0710211542	Hoàng Thị	Quyên	01/02/2001	KD7D	10	7	8.5	8	8.5	x	Đạt	
309	000309	0310211161	Vũ Thị Lệ	Quyên	07-04-1997	KD3C	8	7	10	5.5	7.5	x	Đạt	
310	000310	0710111587	Phạm Văn	Quyết	07/10/2001	TC7A	9	7	9.5	5	7.5	x	Đạt	
311	000311	0610211950	Đào Thúy	Quỳnh	16-08-2000	KD6K	8.5	6	8	7	7.5	x	Đạt	
312	000312	0830210021	Hoàng Thị Thúy	Quỳnh	27/07/1992	LT8A	8.5	7.5	9	5	7.5	x	Đạt	
313	000313	0710210123	Lâm Diệu	Quỳnh	10/11/2000	KD7E	8	6.5	5.5	3	6	x	Đạt	
314	000314	0710210124	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	22/07/2001	KD7B	10	6.5	9	5	7.5	x	Đạt	
315	000315	0710810252	Phạm Thị Trúc	Quỳnh	12/09/2001	TM7A	9	5.5	8	3	6.5	x	Đạt	
316	000316	0610210020	Phí Thị Thúy	Quỳnh	16-09-1997	KD6A	7.5	5	0	5	4.5	x	Không đạt	

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	TBC	Bài gốc	Điều kiện	Ghi chú
317	000317	0710311289	Trần Thị Như	Quỳnh	02/11/2001	QT7B	8	7.5	8	6	7.5	x	Đạt	
318	000318	0710110319	Trần Văn	Sĩ	13/03/2001	TC7A	8.5	7	8	3	6.5	x	Đạt	
319	000319	0830210022	Đào Ngọc	Sơn	15/02/1994	LT8A	8	7	9	6	7.5	x	Đạt	
320	000320	0710110658	Lê Danh	Sơn	30/09/2001	TC7A	8.5	6.5	9	4	7		Đạt	
321	000321	0610210010	Phạm Ngọc	Sơn	28-09-1988	KD6A	8.5	7	9.5	6	8	x	Đạt	
322	000322	0610210017	Chu Quang	Sỹ	16-08-1983	KD6A	9	5.5	9.5	6	7.5		Đạt	
323	000323	0710110650	Âu Đức	Tài	23/07/2001	TC7A	8	7.5	5.5	6	7	x	Đạt	
324	000324	0710210126	Hoàng Thị Minh	Tâm	09/01/2000	KD7D	9	5	8	6	7	x	Đạt	
325	000325	0710210127	Tòng Thanh	Tâm	17/06/2001	KD7E	8.5	6.5	7	6	7	x	Đạt	
326	000326	0610210008	Đỗ Thế	Tăng	30-04-1982	KD6A	6	6.5	8.5	4	6.5	x	Đạt	
327	000327	0830210013	Ngô Thị	Thắm	23/07/1993	LT8A	10	5.5	10	7	8	x	Đạt	
328	000328	0710211617	Ngô Thị Hồng	Thắm	07/06/2001	KD7G	9	7.5	0	5	5.5	x	Không đạt	
329	000329	0710210883	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	30/03/2001	KD7B	9	6	8.5	6	7.5	x	Đạt	
330	000330	0710310257	Cao Minh	Thắng	17/12/1999	QT7B	8	6	8.5	6	7	x	Đạt	
331	000331	0710211510	Lưu Ngọc	Thắng	20/11/2001	KD7D	10	7	10	5.5	8	x	Đạt	
332	000332	0710111440	Nguyễn Mạnh	Thắng	12/11/2001	TC7A	9	6	9.5	6	7.5	x	Đạt	
333	000333	0710310259	Nguyễn Quang	Thắng	10/06/2001	QT7A	8.5	4	8	6	6.5	x	Đạt	
334	000334	0610310682	Giàng Seo	Thanh	19-09-2000	QT6A	9.5	6	9	3	7	x	Đạt	
335	000335	0710120321	Lê Minh	Thanh	24/04/2001	NH7A	9	6	8.5	6	7.5	x	Đạt	
336	000336	0610120683	Nguyễn Công	Thanh	23-04-2000	TM6A	9	6	9.5	4	7		Đạt	
337	000337	0710211454	Phạm Thị	Thanh	02/11/2001	KD7E	9	6	8.5	7	7.5	x	Đạt	
338	000338	0610311623	Bùi Mạnh	Thành	10-05-2000	QT6B	9	6	6	7	7	x	Đạt	
339	000339	0610210312	Bùi Tuấn	Thành	25-11-2000	KD6C	9	5	8	8	7.5	x	Đạt	
340	000340	0710310260	Nguyễn Chí	Thành	23/08/2001	QT7A	8	4.5	9.5	4.5	6.5		Đạt	
341	000341	0610211988	Nguyễn Văn	Thành	31-07-1999	KD6H	8	8	8.5	7	8	x	Đạt	
342	000342	0710211516	Biện Thị Thu	Thảo	04/01/2001	KD7G	9	6.5	10	6.5	8	x	Đạt	

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	TBC	Bài gốc	Điều kiện	Ghi chú
343	000343	0510210208	Bùi Phương	Thảo	03-11-1999	KD5C	8	6.5	9.5	6.5	7.5	x	Đạt	
344	000344	0710210754	Đặng Thị Phương	Thảo	02/10/2001	KD7B	9	8.5	9.5	7	8.5	x	Đạt	
345	000345	0710330654	Lê Thanh	Thảo	18/04/2001	TC7A	8	8.5	9	6.5	8	x	Đạt	
346	000346	0710210128	Luyện Phương	Thảo	26/10/2001	KD7D	9	5	8.5	5	7	x	Đạt	
347	000347	0610321634	Nguyễn Thị Phương	Thảo	13-08-2000	QD6A	8.5	5.5	9	6.5	7.5	x	Đạt	
348	000348	0710211456	Nguyễn Thị Thu	Thảo	01/03/2001	KD7G	9	7	9	6	8	x	Đạt	
349	000349	0610211985	Nguyễn Thúy	Thảo	28-11-2000	KD6E	8.5	8	9	6	8	x	Đạt	
350	000350	0710210131	Phạm Phương	Thảo	17/11/2001	KD7B	9.5	6	8.5	6.5	7.5	x	Đạt	
351	000351	0710311311	Trần Thị	Thảo	21/07/2001	QT7A	9	5	10	7.5	8	x	Đạt	
352	000352	0710310689	Dương Tiến Long	Thật	18/10/2000	QT7B	9	4	9.5	7	7.5	x	Đạt	
353	000353	0710210414	Dương Thị	Thế	20/03/2001	KD7D	9	5.5	8	5	7	x	Đạt	
354	000354	0710210415	Nguyễn Thị	Thêu	16/10/2001	KD7E	9.5	4.5	7.5	6	7	x	Đạt	
355	000355	0610120813	Nguyễn Ngọc	Thịnh	12-07-2000	NH6A	8.5	5	8	6	7	x	Đạt	
356	000356	0830210033	Lê Thị	Thoa	08/12/1992	LT8A	9	5.5	9.5	6.5	7.5	x	Đạt	
357	000357	0710210416	Lương Thị Kim	Thoan	24/03/2001	KD7G	9	7.5	10	7	8.5	x	Đạt	
358	000358	0710211624	Tạ Thị Minh	Thư	12/11/2001	KD7B	8.5	7	8	7	7.5	x	Đạt	
359	000359	0610210840	Trần Thị Thanh	Thư	27-01-2000	KD6H	8.5	4.5	0	7	5		Không đạt	
360	000360	0610320698	Phạm Thị Hà	Thu	20-07-2000	QD6A	8.5	5.5	6.5	6	6.5	x	Đạt	
361	000361	0710310664	Nguyễn Văn	Thương	26/12/2001	QT7B	8.5	5.5	9	6	7.5	x	Đạt	
362	000362	0710210136	Bùi Thị Minh	Thúy	21/12/2001	KD7C	8.5	5	8.5	6.5	7	x	Đạt	
363	000363	0710210137	Đỗ Thị	Thùy	18/03/2000	KD7D	9.5	5.5	9	7	8	x	Đạt	
364	000364	0710211519	Lương Thị	Thùy	04/10/2001	KD7E	9	5.5	3	3	5	x	Đạt	
365	000365	0710210727	Đỗ Thị Phúc	Thủy	28/02/2001	KD7G	9	5	7.5	6	7	x	Đạt	
366	000366	0710210139	Đỗ Thu	Thủy	19/03/2001	KD7D	9	6	9	6.5	7.5	x	Đạt	
367	000367	0710210140	Lê Thị Thu	Thủy	18/10/2001	KD7D	7.5	6.5	7	6.5	7	x	Đạt	
368	000368	0610111948	Phạm Thị Thu	Thủy	22-06-1996	TC6A	8.5	5	7	6	6.5	x	Đạt	

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	TBC	Bài gốc	Điều kiện	Ghi chú
369	000369	0610210871	Vũ Thu	Thủy	26-02-2000	KD6K	9	8	10	6.5	8.5	x	Đạt	
370	000370	0830210014	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	12/05/1984	LT8A	8.5	6	9	6	7.5	x	Đạt	
371	000371	0710610943	Đào Nguyễn Anh	Thy	05/05/2001	KA7A	9	7	10	6	8	x	Đạt	
372	000372	0830210040	Đào Duy	Tiềm	01-10-1983	LT8A	8	5.5	9	5.5	7	x	Đạt	
373	000373	0710210898	Vũ Sĩ	Tiến	11/10/2001	KD7E	9	5	8	5	7	x	Đạt	
374	000374	0710210423	Trần Thị	Tình	18/03/2001	KD7G	8.5	6	8	7	7.5	x	Đạt	
375	000375	0710210425	Phạm Thu	Trà	20/10/2001	KD7B	9	6	9	6	7.5	x	Đạt	
376	000376	0610611984	Nguyễn Huyền	Trâm	02-10-2000	KA6A	8.5	7	8	6.5	7.5	x	Đạt	
377	000377	0710210901	Đặng Thùy	Trang	27/06/2001	KD7E	9	5	9.5	5	7	x	Đạt	
378	000378	0710210900	Đặng Thùy	Trang	25/09/2001	KD7D	8.5	6	8	6.5	7.5	x	Đạt	
379	000379	0610210872	Đào Thu	Trang	03-07-1999	KD6G	8.5	7	8.5	7	8	x	Đạt	
380	000380	0710211482	Đỗ Thị Thu	Trang	26/11/2001	KD7G	8.5	6	9	6.5	7.5	x	Đạt	
381	000381	0710110685	Đoàn Thị Thu	Trang	12/09/2001	TC7A	8.5	8	8	7	8	x	Đạt	
382	000382	0510210233	Hà Thị Thu	Trang	11-01-1999	KD5C	8	6	9	7	7.5	x	Đạt	
383	000383	0710211599	Hồ Thị Thu	Trang	28/01/2001	KD7B	8	6.5	10	7	8	x	Đạt	
384	000384	0710210904	Lê Thị Hà	Trang	10/05/2001	KD7C	8.5	7	6	4	6.5	x	Đạt	
385	000385	0710210905	Lê Thu	Trang	21/10/2001	KD7D	8.5	7.5	9	8	8.5	x	Đạt	
386	000386	0710312007	Luyện Thị Huyền	Trang	27-10-2000	QT7B	9	5.5	8	6	7	x	Đạt	
387	000387	0710210906	Lý Thị Thùy	Trang	30/05/2001	KD7E	8	8	9	7.5	8	x	Đạt	
388	000388	0710211621	Nguyễn Kiều	Trang	19/05/2001	KD7G	8.5	7	10	6.5	8	x	Đạt	
389	000389	0710311344	Nguyễn Thị	Trang	21/01/2001	QT7B	8.5	6	9	6.5	7.5	x	Đạt	
390	000390	0510210239	Nguyễn Thị	Trang	21-11-1999	KD6H	8	6	8.5	5.5	7		Đạt	
391	000391	0710210146	Nguyễn Thị Thùy	Trang	09/12/1999	KD7B	9.5	6	8.5	6.5	7.5	x	Đạt	
392	000392	0710210908	Nguyễn Thu	Trang	14/09/2001	KD7D	8.5	5	9	6.5	7.5	x	Đạt	
393	000393	0610111809	Ong Thị Thùy	Trang	12-10-2000	TC6A	8.5	8.5	9.5	6	8	x	Đạt	
394	000394	0610120882	Phạm Thị Thu	Trang	30-06-2000	NH6A	8.5	7	9	6	7.5	x	Đạt	

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	TBC	Bài gốc	Điều kiện	Ghi chú
395	000395	0710210427	Phạm Thị Thu	Trang	18/06/2001	KD7D	9	6.5	9	6.5	8	x	Đạt	
396	000396	0610211841	Phạm Thị Thùy	Trang	17-02-2000	KD6G	8.5	7	9.5	6.5	8		Đạt	
397	000397	0710110327	Trần Thu	Trang	20/05/2001	TC7A	9	7.5	9.5	8	8.5	x	Đạt	
398	000398	0710210148	Vũ Thị	Trang	23/05/2001	KD7D	9	6	9.5	7.5	8	x	Đạt	
399	000399	0610611206	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	18-02-2000	KA6A	7.5	7	8	7	7.5	x	Đạt	
400	000400	0710331353	Phan Chí	Trung	06/07/2001	QM7A	8.5	7	8	6	7.5	x	Đạt	
401	000401	0830210027	Đinh Văn	Trung	02/09/1989	LT8A	8	6.5	6.5	6	7	x	Đạt	
402	000402	0510110417	Trịnh Văn	Trung	03-07-1999	TC5A	8.5	6	5.5	4.5	6	x	Đạt	
403	000403	0710120675	Trương Đức	Trung	06/01/2001	NH7A	8	7	9.5	6	7.5	x	Đạt	
404	000404	0710210150	Nguyễn Thị Thanh	Tú	29/09/2001	KD7E	9	7	8.5	6.5	8	x	Đạt	
405	000405	0710210151	Phạm Cẩm	Tú	03/03/2001	KD7G	9	5	7	6.5	7	x	Đạt	
406	000406	0610311693	Phạm Mạnh	Tú	14-11-2000	QT6B	9	6.5	8.5	5	7.5	x	Đạt	
407	000407	0610331695	Trần Anh	Tú	02-03-2000	QM6A				5	1.5		Không đạt	
408	000408	0610211169	Nguyễn Đức	Tuân	30-12-1999	KD6H	8	4.5	5.5	5.5	6	x	Đạt	
409	000409	0410111044	Lê Anh	Tuấn	04-12-1996	TC4B	9	6	6.5	6	7	x	Đạt	
410	000410	0610110822	Phạm Anh	Tuấn	10-10-2000	TC6A	8.5	5	8	7.5	7.5	x	Đạt	
411	000411	0710210728	Trần Đức	Tuấn	18/12/2000	KD7D	8.5	5	8	7.5	7.5	x	Đạt	
412	000412	0610710443	Vũ Minh	Tuấn	16-01-2000	QL6A	7.5	4	8	6.5	6.5	x	Đạt	
413	000413	0710120594	Nguyễn Thanh	Tùng	09/02/2001	NH7A	8.5	4.5	9	6.5	7	x	Đạt	
414	000414	0710210155	Cao Thị	Tươi	20/03/2001	KD7E	8.5	5.5	8.5	7	7.5	x	Đạt	
415	000415	0710211018	Đào Thị	Tươi	23/08/2000	KD7B	8.5	5	8	6.5	7	x	Đạt	
416	000416	0710211515	Đỗ Thị Hồng	Tươi	01/01/2001	KD7G	8.5	8	8	7.5	8	x	Đạt	
417	000417	0610331998	Lê Thị	Tươi	29-09-1999	QM6A	8.5	5	7	5.5	6.5	x	Đạt	
418	000418	0610210019	Nguyễn Ngọc	Tuyến	20-10-1986	KD6A	8	5	9.5	7	7.5	x	Đạt	
419	000419	0710210917	Đào Thị Lệ	Tuyết	26/04/2001	KD7B	8.5	7	9.5	8	8.5	x	Đạt	
420	000420	0710210919	Đỗ Thị	Vân	11/11/2001	KD7D	8.5	6	9	7	7.5	x	Đạt	

TT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	TBC	Bài gốc	Điều kiện	Ghi chú
421	000421	0710211022	Nguyễn Thị	Vân	16/09/2001	KD7G	8	5.5	8	3	6	x	Đạt	
422	000422	0710330665	Tường Thị Hồng	Vân	11/10/2001	QM7A	8.5	6	8.5	7	7.5	x	Đạt	
423	000423	0830210028	Đào Thị	Uyên	09/02/1990	LT8A	9	6.5	10	5	7.5	x	Đạt	
424	000424	0710810634	Phạm Hùng	Vĩ	15/12/2001	TM7A	8	4	8	4.5	6	x	Đạt	
425	000425	0510210258	Nguyễn Quý	Việt	19-12-1999	KD6A	7.5	4.5	2.5	6.5	5.5		Đạt	
426	000426	0710330572	Nguyễn Văn	Xuân	30/03/2000	QM7A	8.5	4	8.5	7	7	x	Đạt	
427	000427	0710210923	Vũ Thị	Xuân	23/03/2001	KD7D	8.5	5	9.5	7.5	7.5	x	Đạt	
428	000428	0710111453	Tạ Thị	Yên	23/09/2001	TC7A	8.5	7	10	7.5	8.5	x	Đạt	
429	000429	0710210925	Đỗ Thị Hải	Yến	24/08/2001	KD7G	9	5	9.5	6	7.5	x	Đạt	
430	000430	0710210926	Lê Hải	Yến	17/12/2001	KD7B	9.5	5.5	9.5	6.5	8	x	Đạt	
431	000431	0610211183	Phạm Thị Hải	Yến	24-02-1999	KD6K	8.5	7	9.5	8	8.5	x	Đạt	